TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 233/2019/QĐST-HNGĐ	*Vũng Tàu, ngày 22 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 809/2019/TLST-VHNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận T tình ly hôn, gồm người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1978, nơi cư trú: 2/7 B4 đường 3/2, phường NAN, thành phố VT, tỉnh BR-VT.

- Ông Lê Ngọc S, sinh năm 1978, nơi cư trú: 2/7 B4 đường 3/2, phường NAN, thành phố VT, tỉnh BR-VT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Lê Ngọc S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường NAN, thành phố V, tỉnh B theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 43 ngày 18-4-2008 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cả hai thừa nhận phát sinh mâu thuẫn và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu T tình ly hôn. Xét yêu cầu T tình ly hôn giữa bà T và ông S thì thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông, bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng bà T, ông S thống nhất thuận tình ly hôn được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 8 năm 2019 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà Lê Thị T và ông Lê Ngọc S cùng thống nhất khai không có nên Tòa án không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị T và ông Lê Ngọc S cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị T và ông Lê Ngọc S cùng thống nhất mỗi người chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), sự thỏa T của các đương sự là phù hợp với khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên chấp nhận.

Xét việc T tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận T tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị T và ông Lê Ngọc S thuận tình ly hôn.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:* Bà Lê Thị T và ông Lê Ngọc S thống nhất không có con chung nên Tòa án không xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Lê Thị T và ông Lê Ngọc S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án:

Bà Lê Thị T và ông Lê Ngọc S mỗi người phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình. Bà Lê Thị T và ông Lê Ngọc S đã nộp đủ lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0001133 ngày 06/8/2019 và TU/2019/0001134 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- UBND phường NAN, thành phố Vũng Tàu;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trà My